

Bản án số: 30/2022/HS-PT
Ngày 11-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;
Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện khai thẩm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Ông Đ Tiên Thắng-Khai thẩm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công Khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 03/2022/TLPT-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Lê Thị Thanh T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thanh T, Lê Thị Bé Đ, Trần Mỹ H, Dương Thị A và Võ Thị K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2021/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện LP, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thị Thanh T, sinh năm 1982; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp MC, xã LP, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Khinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D, sinh năm 1955 và bà Trần Thị D, sinh năm 1959; Có chồng là Trương Thanh A, sinh năm 1981; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2002 và nhỏ nhất sinh năm 2010; anh chị em ruột có 04 người, lớn nhất sinh năm 1981 và nhỏ nhất sinh năm 1984; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03-8-2021 cho đến nay; (có mặt)

2. Lê Thị Bé Đ, sinh năm 1972; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp ĐG, thị trấn TĐ, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Khinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn K, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Lê Thị G,

sinh năm 1946; Có chồng là Nguyễn Thành N, sinh năm 1967 (đã chết); Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1989 và nhỏ nhất sinh năm 1995; anh chị em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1971 và nhỏ nhất sinh năm 1981; Tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 28-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng, xử phạt Lê Thị Bé Đ 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày 28-11-2018, hình phạt bổ sung 10.000.000 đồng; (đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích); Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-7-2021 cho đến nay; (có mặt)

3. Võ Thị K, sinh năm 1977; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp C, thị trấn TĐ, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Khainh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn Đ, sinh năm 1933 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1935 (đã chết); Có chồng là Nguyễn Văn B, sinh năm 1974 (đã chết); Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2003 và nhỏ nhất sinh năm 2016; Anh chị em ruột 04 người, lớn nhất sinh năm 1962 và nhỏ nhất là bị cáo; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 24/2018/HSST ngày 26-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng, xử phạt Võ Thị K 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày 26-11-2018 (đã được xóa án tích); Hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác; (có mặt)

4. Trần Mỹ H (tên gọi khác: K), sinh năm 1974; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp C, xã ĐA, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương CH, sinh năm 1928 (đã chết) và bà Trần Thị Thó, sinh năm 1932 (đã chết); Có chồng là Nguyễn Văn Tám, sinh năm 1973; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1993 và nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Quyết định số 0000758/QĐ-XPHC ngày 23-01-2018 của Công an huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng, Trần Mỹ H bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Tham gia đánh bài ăn tiền”, chấp hành xong ngày 23-01-2018 và được xóa tiền sự; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03-8-2021 cho đến nay; (có mặt)

5. Dương Thị A, sinh năm 1970; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp B, thị trấn LP, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Khainh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn T (đã chết) và bà Đặng Thị B (đã chết); Có chồng là Dương Thành P, sinh năm 1968; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03-8-2021 cho đến nay; (có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Các bị cáo Nguyễn Thị H1, Lưu Thị TH; Người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Thanh PH, Trần Thị T1, Dương Thị T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Võ Hoàng L và gia đình đi làm ăn xa không có mặt tại địa pH, căn nhà của ông L thuộc ấp MC, xã LP, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng không có người trông giữ nên các bị cáo đã tự ý sử dụng căn nhà của ông L làm địa điểm đánh bạc trái phép. Vào lúc 12 giờ 20 phút ngày 22-6-2021, lực lượng Công an huyện LP tiến hành khaiểm tra, phát hiện và bắt quả tang tại căn nhà của ông Võ Hoàng L có các đối tượng đang tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bài binh 06 lá ăn thua bằng tiền, gồm: Lê Thị Thanh T, Nguyễn Thị H1, Lê Thị Bé Đ, Võ Thị K, Trần Mỹ H, Dương Thị A, Lưu Thị TH. Hình thức đánh bạc trái phép là chơi bài binh 06 lá, có 01 tụ cái và các tụ đặt, số tiền được đặt tại mỗi tụ từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, tụ cái ăn thua trực tiếp với tụ đặt, Lê Thị Thanh T là người làm cái, Trần Mỹ H ké thanh tụ cái, Nguyễn Thị H1, Lê Thị Bé Đ, Võ Thị K, Dương Thị A, Lưu Thị TH là những người đặt tiền chơi tụ con. Các đối tượng chơi được 03 ván thì bị bắt quả tang với số tiền dùng vào mục đích đánh bạc tại chiếu bạc là 5.700.000 đồng và số tiền thu giữ trên người các bị cáo Khai nhận dùng vào mục đích đánh bạc là 4.160.000 đồng. Các bị cáo Khai nhận cụ thể như sau:

- Lê Thị Thanh T điều khiển xe mô tô YAMAHA SIRIUS biển khaiểm soát 59X3-164.34 đến nhà của ông Võ Hoàng L vào khoảng 12 giờ ngày 22-6-2021 để tham gia đánh bạc trái phép, T mang theo số tiền 3.860.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, khi đến nhà ông L thì được Nguyễn Thị H1 đưa cho T số tiền 2.000.000 đồng để đóng tiền hụi. T làm cái được 03 ván và thắng số tiền 200.000 đồng, khi bị bắt quả tang thì T bỏ 200.000 đồng xuống chiếu bạc. Đối với số tiền 3.860.000 đồng thì T sử dụng 860.000 để đánh bạc, số tiền còn lại 3.000.000 đồng và số tiền H1 gửi để đóng hụi là 2.000.000 đồng, xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển khaiểm soát 59X3-164.34 và 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG thì T không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Nguyễn Thị H1 đến căn nhà của ông Võ Hoàng L vào lúc khoảng hơn 11 giờ ngày 22-6-2021 để tham gia đánh bạc trái phép, H1 mang theo số tiền 2.100.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, khi đến nơi thì H1 đưa cho T 2.000.000 đồng để đóng tiền hụi, còn lại 100.000 đồng H1 dùng vào mục đích đánh bạc. H1 trực tiếp đặt tụ 01 ván với số tiền 50.000 đồng thì bị bắt quả tang, khi bị bắt quả tang thì H1 bỏ 100.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG xuống chiếu bạc. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG thì H1 không dùng vào việc đánh bạc.

- Lê Thị Bé Đ đến căn nhà của ông Võ Hoàng L vào lúc khoảng 11 giờ 30 phút ngày 22-6-2021 để tham gia đánh bạc trái phép, Đ mang theo số tiền 4.546.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL loại bàn phím, Đ lấy số tiền 100.000 đồng ra để đánh bạc, Đ ké thanh vào tụ của Lưu Thị TH 01 ván với số tiền 50.000 đồng thì bị bắt quả tang, khi bị bắt quả tang thì Đ cầm 100.000 đồng bỏ lại vào túi của Đ. Đối với số tiền 4.546.000 đồng thì Đ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, số tiền 4.046.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL loại bàn phím Đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Võ Thị K đến căn nhà của ông L vào trưa ngày 22-6-2021 để tham gia đánh bạc, K mang theo số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG. Khi đến nơi K lấy ra số tiền 400.000 đồng để đặt tụ, K chơi 03 ván: Ván thứ nhất đặt 50.000 đồng thì thua, ván thứ hai đặt 50.000 đồng thì thắng, ván thứ ba K đặt 100.000 đồng thì bị bắt quả tang, lúc này K bỏ số tiền 300.000 đồng xuống chiếu bạc. Đối với số tiền 600.000 đồng còn lại K sử dụng vào mục đích đánh bạc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Trần Mỹ H đến căn nhà của ông Võ Hoàng L vào khoảng 11 giờ ngày 22-6-2021 để tham gia đánh bạc trái phép, H mang theo 790.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar loại bàn phím, màu trắng. Khi đến nơi H lấy ra 200.000 đồng dùng vào mục đích đánh bạc, H ké thanh 03 ván vào tụ cái của T: Ván thứ nhất ké thanh 50.000 đồng thì thua, ván thứ hai ké thanh 50.000 đồng thua, ván thứ ba ké thanh 100.000 đồng thì bị bắt quả tang. Đối với số tiền 590.000 đồng còn lại và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar loại bàn phím, màu trắng thì H không dùng vào mục đích đánh bạc.

- Dương Thị A đến căn nhà của ông Võ Hoàng L vào khoảng hơn 11 giờ ngày 22-6-2021 để tham gia đánh bạc trái phép, A mang theo số tiền 1.500.000 đồng dùng vào mục đích đánh bạc và 01 điện thoại di động hiệu NOKHAIA loại bàn phím, A lấy ra số tiền 200.000 đồng trong số 1.500.000 đồng mang theo để đặt tụ, A chơi được 03 ván: Ván thứ nhất đặt 50.000 đồng và thua, ván thứ hai đặt 50.000 đồng và thắng được 50.000 đồng, ván thứ 03 đặt 50.000 đồng thì bị bắt quả tang, lúc này A cầm số tiền 200.000 đồng bỏ lại vào túi của A. Đối với 01 điện thoại di động hiệu NOKHAIA loại bàn phím thì A không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Lưu Thị TH đến căn nhà của ông Võ Hoàng L vào khoảng hơn 11 giờ ngày 22-6-2021 để tham gia đánh bạc trái phép, TH mang theo số tiền 2.519.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng đồng, TH lấy ra số tiền 200.000 đồng để đặt tụ, TH đặt 01 ván với số tiền 100.000 đồng thì bị bắt quả tang, lúc này TH bỏ luôn số tiền 100.000 đồng xuống chiếu bạc. Số tiền còn lại 2.319.000 đồng thì TH dùng 700.000 đồng vào mục đích đánh bạc, còn lại 1.619.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng đồng thì TH không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Đối với Lê Thanh PH, Dương Thị T3 và Trần Thị T1 khai nhận:

Lê Thanh PH điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA VARIO màu trắng biển khaiểm soát 83D1-265.81 và mang theo 360.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen đến nhà ông Võ Hoàng L. Khi đến nơi thì PH ngồi trên ghế và chưa tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang.

Trần Thị T1 đem theo số tiền 2.913.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG loại bàn phím, màu trắng sáng đến nhà ông Võ Hoàng L. Khi đến nơi thì Tư ngồi xuống chiếu bạc nhưng chưa tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang.

Dương Thị T3 đem theo số tiền 5.928.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG đến nhà ông Võ Hoàng L. Khi đến nhà ông L thì Thuyền ngồi trên giường, chưa tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang.

Số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 5.700.000 đồng nhưng các bị cáo khai nhận chỉ đánh được 03 ván (ván thứ 03 đang đánh thì bị bắt quả tang) và số tiền trên chiếu bạc của 03 ván các bị cáo dùng đánh bạc là 1.000.000 đồng (H1 100.000 đồng, T 200.000 đồng, TH 100.000 đồng, K 400.000 đồng, H 200.000 đồng), chênh lệch 4.700.000 đồng nhưng các bị cáo đều khẳng định tại thời điểm bắt quả tang không có ai chạy thoát và số tiền chênh lệch 4.700.000 đồng là của những người đánh bạc, được sử dụng vào mục đích đánh bạc và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện LP không chứng minh được cụ thể số tiền của từng bị cáo là bao nhiêu; đồng thời số tiền thu giữ trên người các bị cáo khai nhận dùng vào mục đích đánh bạc là 4.160.000 đồng (trong đó Lê Thị Thanh T 860.000 đồng, Lê Thị Bé Đ 500.000 đồng, Dương Thị A 1.500.000 đồng, Võ Thị K 600.000 đồng, Lưu Thị TH 700.000 đồng).

Quá trình bắt quả tang đã thu giữ được vật chứng: Thu giữ tại chiếu bạc số tiền dùng đánh bạc là 5.700.000 đồng; 52 lá bài tây; 01 chiếc chiếu; 13 bộ bài tây chưa sử dụng, 03 điện thoại di động (01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J7 đã qua sử dụng của Nguyễn Thị H1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG loại cảm ứng đã qua sử dụng của Lê Thị Thanh T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG loại cảm ứng đã qua sử dụng của Võ Thị K). Thu giữ trên người của Lê Thị Thanh T số tiền 5.860.000 đồng và thu giữ của T 01 xe mô tô YAMAHA SIRIUS biển khaiểm soát 59X3-164.34. Thu giữ trên người của Trần Mỹ H số tiền 590.000 đồng và 01 điện thoại Mobistar loại bàn phím, màu trắng đã qua sử dụng. Thu giữ trên người của Dương Thị A số tiền 1.500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKHIA, loại bàn phím, màu đen đã qua sử dụng. Thu giữ trên người của Lưu Thị TH số tiền 2.319.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng đồng đã qua sử dụng. Thu giữ trên người của Lê Thị Bé Đ số tiền 4.546.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, loại bàn phím, màu đỏ-đen đã qua sử dụng. Thu giữ trên người của Võ Thị K số tiền 600.000 đồng. Thu giữ trên người của Lê Thanh PH số tiền 360.000 đồng và 01 điện thoại nhãn

hiệu OPPO màu xanh đen đã qua sử dụng và thu giữ của PH 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VARIO màu trắng biển khaiễm soát 83D1-265.81. Thu giữ trên người của Dương Thị T3 5.928.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh đã qua sử dụng. Thu giữ trên người của Trần Thị T1 2.913.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng-xám, loại bàn phím đã qua sử dụng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2021/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện LP, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 38; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Lê Thị Thanh T và Nguyễn Thị H1.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thị Bé Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Thị K.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 38; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Trần Mỹ H (tên gọi khác: K) và Dương Thị A.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 38; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Lưu Thị TH.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị Thanh T, Nguyễn Thị H1, Lê Thị Bé Đ, Võ Thị K, Trần Mỹ H (tên gọi khác: K), Dương Thị A và Lưu Thị TH phạm tội “Đánh bạc”.

1. Phạt bị cáo Lê Thị Thanh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2021.

3. Phạt bị cáo Lê Thị Bé Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Phạt bị cáo Võ Thị K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Phạt bị cáo Trần Mỹ H (tên gọi khác: K) 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

6. Phạt bị cáo Dương Thị A 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

7. Phạt bị cáo Lưu Thị TH 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21 tháng 12 năm 2021.

Giao bị cáo Lưu Thị TH cho Ủy ban nhân dân xã ĐA, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Lưu Thị TH thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo Lưu Thị TH cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lưu Thị TH phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

* Đến ngày 04-01-2022, các bị cáo Lê Thị Thanh T, Dương Thị A, Trần Mỹ H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, bị cáo Lê Thị Bé Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 05-01-2022 bị cáo Võ Thị K kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Lê Thị Thanh T, Dương Thị A, Trần Mỹ H thay đổi kháng cáo xin hưởng án treo; Các bị cáo Lê Thị Bé Đ và Võ Thị K giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện khai thẩm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, Lê Thị Thanh T, Lê Thị Bé Đ và Võ Thị K; áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Dương Thị A, Trần Mỹ H, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thanh T, Dương Thị A, Trần Mỹ H, Lê Thị Bé Đ lập ngày 04-01-2022 và nộp cho Tòa án nhân dân huyện LP vào ngày 05-01-2022; Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Thị K lập và nộp cho Tòa án nhân dân huyện LP vào ngày 05-01-2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và

333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị Thanh T, Dương Thị A, Trần Mỹ H thay đổi kháng cáo xin hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thanh T, Dương Thị A, Trần Mỹ H, Võ Thị K về việc xin hưởng án treo và kháng cáo của bị cáo Lê Thị Bé Đ về việc xin giảm hình phạt theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Thị Thanh T, Dương Thị A, Trần Mỹ H, Lê Thị Bé Đ và Võ Thị K khai nhận: Lợi dụng nhà ông Võ Hoàng L, tọa lạc tại ấp MC, xã LP, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng không ai trông giữ nên trong khoảng thời gian từ 11 giờ đến 12 giờ 20 phút ngày 22-6-2021, các bị cáo Lê Thị Thanh T, Nguyễn Thị H1, Lê Thị Bé Đ, Võ Thị K, Trần Mỹ H, Dương Thị A và Lưu Thị TH đã cùng nhau đến đây với mục đích đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi bài binh 06 lá, có 01 tụ cái và các tụ đặt, số tiền được đặt tại mỗi tụ từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, tụ cái ăn thua trực tiếp với tụ đặt, Lê Thị Thanh T là tụ cái, Trần Mỹ H ké thành tụ cái của T, Nguyễn Thị H1, Võ Thị K, Dương Thị A, Lưu Thị TH là những tụ đặt, Lê Thị Bé Đ ké thành tụ đặt của TH. Đến 12 giờ 45 phút cùng ngày 22-6-2021, khi các bị cáo đang đánh ván thứ 03 thì bị Công an huyện LP bắt quả tang và tiến hành thu giữ các tang vật gồm: 52 (năm mươi hai) lá bài tây, 01 (một) chiếc chiếu, 13 (mười ba) bộ bài tây chưa sử dụng, số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 5.700.000 đồng, số tiền thu giữ trên người các bị cáo khai nhận dùng vào mục đích đánh bạc là 4.160.000 đồng (trong đó Lê Thị Thanh T 860.000 đồng, Lê Thị Bé Đ 500.000 đồng, Dương Thị A 1.500.000 đồng, Võ Thị K số tiền 600.000 đồng, Lưu Thị TH 700.000 đồng). Đối với số tiền thu giữ trên chiếu bạc tại thời điểm bắt quả tang là 5.700.000 đồng thì các bị cáo khai nhận chỉ đánh được 03 ván, đang đánh ván thứ 03 thì bị bắt quả tang và số tiền trên chiếu bạc các bị cáo dùng vào mục đích đánh bạc là 1.000.000 đồng (trong đó: Nguyễn Thị H1 100.000 đồng, Lê Thị Thanh T 200.000 đồng, Lưu Thị TH 100.000 đồng, Võ Thị K 400.000 đồng, Trần Mỹ H 200.000 đồng), chênh lệch 4.700.000 đồng nhưng các bị cáo đều khẳng định chỉ có các bị cáo cùng nhau đánh bạc, không có ai tham gia, tại thời điểm bắt quả tang không có ai chạy thoát và số tiền chênh lệch 4.700.000 đồng là của những người đánh bạc, được sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền mà các bị cáo dùng vào mục đích đánh bạc là 9.860.000 đồng.

Lời thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Lê Thị Thanh T, Nguyễn Thị H1, Lê Thị Bé Đ, Võ Thị K, Trần Mỹ H, Dương Thị A và Lưu Thị TH phạm tội phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lê Thị Bé Đ: Xét khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo là phụ nữ và không biết chữ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên đối với bị cáo và xử phạt bị cáo Lê Thị Bé Đ 01 năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị Bé Đ.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Thị Thanh T: Xét khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên đối với bị cáo và xử phạt bị cáo T 09 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và bị phạt tù không quá 03 năm có đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo T là người làm cái cho nên đối với bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn đối với các bị cáo khác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Thị Thanh T.

[5] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Mỹ H và bị cáo Dương Thị A: Xét khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là phụ nữ và có trình độ học vấn thấp theo quy định tại điểm i, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên đối với bị cáo và xử phạt bị cáo Trần Mỹ H 04 tháng tù, bị cáo Dương Thị A 03 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Các bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), các bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và bị phạt tù không quá 03 năm. Ngoài ra, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc không lớn, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình neo đơn, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo A, H được hưởng án treo không nguy hiểm cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Mỹ H và Dương Thị A. Xử phạt bị cáo Trần Mỹ H 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 11-5-2022; Giao bị cáo Trần Mỹ H (tên gọi khác: K) cho Ủy ban nhân dân xã ĐA, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Xử phạt bị cáo Dương Thị A 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 11-5-2022; Giao bị cáo Dương Thị A cho Ủy ban nhân dân thị trấn LP, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[6] Xét đơn kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Võ Thị K: Xét khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” đã được xóa án tích, đồng thời Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo là phụ nữ và có trình độ thấp theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên đối với bị cáo và xử phạt bị cáo Võ Thị K 09 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên bị cáo K không có đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số

01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Hơn nữa, hiện nay bị cáo K đã phạm tội mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Võ Thị K.

[7] Lời đề nghị của Khai thẩm sát viên căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thanh T, Lê Thị Bé Đ và Võ Thị K; áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Dương Thị A và Trần Mỹ H là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b, điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Lê Thị Thanh T, Lê Thị Bé Đ và Võ Thị K mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng. Các bị cáo Trần Mỹ H và Dương Thị A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thanh T, Võ Thị K về việc xin hưởng án treo và kháng cáo của bị cáo Lê Thị Bé Đ về việc xin giảm hình phạt.

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Mỹ H (tên gọi khác: K) và Dương Thị A, về việc xin hưởng án treo.

Sửa phần quyết định hình phạt đối với các bị cáo Trần Mỹ H (tên gọi khác: K) và Dương Thị A; giữ nguyên phần quyết định hình phạt đối với các bị cáo Lê Thị Thanh T, Lê Thị Bé Đ và Võ Thị K của Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 21-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện LP, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thị Thanh T.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh T 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thị Bé Đ.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Bé Đ 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Thị K.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị K 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 58; khoản 1 Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Trần Mỹ H (tên gọi khác: K) và Dương Thị A.

- Xử phạt bị cáo Trần Mỹ H (tên gọi khác: K) 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 11-5-2022.

Giao bị cáo Trần Mỹ H (tên gọi khác: K) cho Ủy ban nhân dân xã ĐA, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trần Mỹ H (tên gọi khác: K) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Mỹ H (tên gọi khác: K) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Dương Thị A 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 11-5-2022.

Giao bị cáo Dương Thị A cho Ủy ban nhân dân thị trấn LP, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Dương Thị A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Dương Thị A cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b, điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc các bị cáo Lê Thị Thanh T, Lê Thị Bé Đ, Võ Thị K mỗi bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

- Các bị cáo Trần Mỹ H (tên gọi khác: K) và Dương Thị A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện LP (02);
- VKSND huyện LP (01);
- CQĐT-Công an huyện LP (01);
- CQTHAHS-Công an huyện LP (01);
- Chi cục THADS huyện LP (01);
- Bị cáo (05);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Hữu